

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2020.

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**  
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Kim Thoa**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trần Văn Tám**

2. Ông **Cao Châu Tiếp**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thanh An**, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu**, kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 489/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/12/2019 về tranh chấp: “Xin ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐST-DS, ngày 24/7/2020 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà **Đồng Thị Tuyết N**, sinh năm 1976. (Có đơn xin vắng mặt)

- Địa chỉ: Số 1, khu phố 3, phường H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

\* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

- Địa chỉ: Số 1, khu phố 3, phường H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đồng Thị Tuyết N trình bày:*

Nguyên tôi và ông Nguyễn Văn V cưới nhau năm 1996 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới thì vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Tôi đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã B, huyện C sinh sống từ năm 2012 đến nay. Trong suốt thời gian ly thân từ đó đến nay tôi và ông V không còn quan tâm lẫn

nhau, tình cảm vợ chồng cũng không còn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hoài A, sinh ngày 26/3/2000. Nay con tôi đã 18 tuổi nên tôi không yêu cầu giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn ông Nguyễn Văn V đã được tòa án triệu tập hợp lệ các lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản đối với các yêu cầu của phía bà N.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: bà Đồng Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn V cưới nhau và có đăng ký kết hôn năm 1996 là hôn nhân hợp pháp, năm 2012 vợ chồng bà N, ông V phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Xét thấy thời gian ly thân đã lâu và vợ chồng bà N, ông V không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cho nên yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ, đề nghị chấp nhận. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hoài A, sinh ngày 26/3/2000, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung do bà N khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Đồng Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn được UBND thị trấn C, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/7/2004 (nay là phường 1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang) là hôn nhân hợp pháp. Bà N trình bày thời gian đầu sau khi kết hôn thì bà và ông V chung sống bên gia đình chồng rất hạnh phúc, đến năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc thường xuyên cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đến nay, bà N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông V. Ông Nguyễn Văn V đã được tòa án triệu tập hợp lệ các lần để dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu xin ly hôn của phía bà N. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông V đã

phát sinh trong thời gian dài nhưng vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được từ đó xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, cho bà N được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà N khai có 01 con chung tên Nguyễn Hoài A, sinh ngày 26/3/2000, hiện con đã trưởng thành bà N không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà N khai không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Bà Đồng Thị Tuyết N có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bà N.

Ông Nguyễn Văn V vắng mặt không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Hùng.

[3] Xét ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin hôn của bà Đồng Thị Tuyết N. Cho bà Đồng Thị Tuyết N được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

2/. Về con chung:

Có 01 con chung tên Nguyễn Hoài A, sinh ngày 26/3/2000, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

3/. Về án phí: bà Đồng Thị Tuyết N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm; được khấu trừ 300.000 đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000378 ngày 27/12/2019, xem như bà N đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

4/. Bà Đồng Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND phường 1, TXCL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Phan Thị Kim Thoa**